TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HOÀI NHƠN** TỈNH BÌNH ĐỊNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2020/DS-ST
Ngày: 24-8-2020
V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Hoàng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Minh Đúng
2. Bà Trương Thị Diện

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Khánh Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2019/TLST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2019 về việc Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2020/QĐXX-ST ngày 27 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị C, sinh năm 1966 (có mặt)
Địa chỉ: Khu phố A1, phường H, thị xã H, tỉnh B.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1982 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn K, xã H, thị xã H, tỉnh B.

3. Người làm chứng: Anh Võ Duy Đ, sinh năm 2002 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn K, xã H, thị xã H, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày của nguyên đơn bà C, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Bà C quen biết bà L thông qua bà Nguyễn Thị H ở L1 - HT. Từ tháng 01/2016 (Âm lịch), bà L nhiều lần vay mượn tiền

của bà, cứ mượn rồi trả rồi mượn tiếp. Đến cuối năm 2016 (Âm lịch) thì số tiền vay tổng cộng là 400.000.000 đồng. Việc vay tiền chỉ thỏa thuận miệng không có giấy tờ gì. Từ tháng 01/2017 (Âm lịch) đến tháng 3/2017 (Âm lịch), bà L tiếp tục mượn 3 lần với tổng số tiền 125.000.000 đồng, không có giấy tờ gì, lý do vay để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà và bà L có thỏa thuận miệng với nhau lãi suất vay là 500.000 đồng/10.000.000 đồng/tháng, không thỏa thuận thời gian trả và không thỏa thuận về lãi suất nào khác. Bà L đã trả lãi đến khoảng tháng 4/2017 (Âm lịch) thì không trả tiền lãi nữa và cũng không trả tiền gốc. Do việc vay mượn nhiều lần, việc trả lãi cũng theo từng khoản vay, từng giai đoạn nên bà C không xác định được số tiền lãi đã trả là bao nhiêu, cho số tiền vay nào; thời gian đã lâu và bà cũng không có giấy tờ gì theo dõi nên không thể nhớ. Riêng tháng 4/2017 (Âm lịch), con trai bà L tên là Đ có đến trả cho bà 10.000.000 đồng, là tiền lãi của tháng 4 trên số tiền 525.000.000 đồng.

Vào ngày 08/3/2017 (âm lịch), bà C đến nhà đòi nhưng bà L đang nằm viện nên bà cùng bà H lên bệnh viện tìm bà L và yêu cầu bà L viết giấy nợ (bà H ở ngoài, không có mặt lúc bà L viết giấy nợ). Bà L đã viết và ký tên vào hai giấy nợ, một giấy đề ngày 22/01/2017 nợ số tiền từ 2016 chuyển sang là 400.000.000 đồng và giấy ngày 08/3/2017 nợ 125.000.000 đồng. Trong khoảng thời gian bà đòi nợ thì bà L có trả được ba lần với tổng số tiền 9.000.000 đồng. Nay bà C yêu cầu bà L phải trả số tiền 516.000.000 đồng và không yêu cầu bà L trả tiền lãi.

- Theo Biên bản lấy lời khai của đương sự các ngày 18/11/2019, 08/6/2020, bị đơn bà L trình bày: Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 18/11/2019, bà L khai có mượn tiền của bà C nhiều lần, đến thời điểm viết giấy nợ thì số tiền gốc và lãi là 525.000.000 đồng. Đến Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 08/6/2020, bà L lại khai, trước năm 2017, bà có nhiều lần vay mượn tiền của bà C với số tiền tổng là 525.000.000 đồng nhưng đã trả nhiều lần gần hết nợ. Bà L còn trình bày rằng: Đến thời điểm bà C yêu cầu ghi giấy nợ thì chỉ còn nợ khoảng vài chục triệu đồng và sau đó bà đã trả làm hai đợt, hiện nay không còn nợ tiền bà C nữa. Việc trả nợ không có giấy tờ gì, một lần do bà trả và một lần do con trai tên Đ trực tiếp đến nhà bà C để trả. Hai giấy nợ đề ngày 22/01/2017 và ngày 08/3/2017 là do bà viết theo nội dung bà C đọc và ký tên. Vì đang đau bệnh nằm bệnh viện mà bà C đến bệnh viện ép nên bà phải viết giấy nợ cho xong để nghỉ ngơi. Bà không còn nợ tiền nên không chấp nhận yêu cầu của bà C.

- Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 23/6/2020, anh Đ trình bày: Anh là con trai của bà L, anh có biết việc bà L vay tiền của bà C và bà

L có nhờ anh đi trả tiền cho bà C. Anh đến nhà bà C năm đến sáu lần để trả nợ nhưng không nhớ số tiền cụ thể từng lần. Anh chỉ nhớ có một lần trả khoảng 10.000.000 đồng nhưng không rõ là trả gốc hay lãi. Khi trả thì bà C trực tiếp nhận tiền nhưng không có giấy tờ gì.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo qui định. Về giải quyết vụ án: Xác định là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và không có lãi, việc yêu cầu trả nợ của bà C là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của bà C, buộc bà L phải trả số tiền 516.000.000 đồng; bà L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm vì để vụ án quá thời hạn chuẩn bị xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn bà Trần Thị L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Người làm chứng anh Võ Duy Đ vắng mặt nhưng đã có lời khai trực tiếp với Tòa án và đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L đã nhận được giấy triệu tập, giấy báo phiên tòa, các văn bản thông báo của Tòa án nhưng cố tình không chấp hành việc triệu tập của Tòa án, không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, không giao nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh và cũng không có văn bản ý kiến về các vấn đề mà Tòa án yêu cầu. Do đó, Tòa án không tiến hành đối chất được để làm rõ các nội dung của vụ án, không tiến hành hòa giải được. Bà L đã thể hiện ý thức, thái độ thiếu tôn trọng pháp luật; không có ý kiến, trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật nên bà phải chịu trách nhiệm cho việc không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Tòa án sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án theo qui định của pháp luật.

[3] Bà L thừa nhận có vay tiền của bà C nhiều lần với tổng số tiền là 525.000.000 đồng, các giấy nợ ngày 22/01/2017 và ngày 08/3/2017 là do bà viết và ký tên. Giấy nợ ngày 22/01/2017 có nội dung chuyển nợ năm 2016 sang và bà L chấp nhận mượn, nợ của bà C số tiền 400.000.000 đồng. Giấy nợ ngày 08/3/2017 có nội dung bà L chấp nhận mượn và nợ của bà C số tiền 125.000.000 đồng. Như vậy, hai bên có xác lập giao dịch vay tiền là đúng sự thật. Tòa án đã có văn bản thông báo lời khai của bà C về lãi suất nhưng bà L không phản đối

và cũng không có ý kiến gì. Vì vậy, theo các giấy nợ ngày 22/01/2017 và ngày 08/3/2017 cùng sự thừa nhận của bà C về việc thỏa thuận lãi suất, xác định việc vay tiền giữa bà C và bà L là hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn và có lãi.

[4] Bà L cho rằng, tại thời điểm viết giấy nợ bà chỉ còn nợ khoảng vài chục triệu đồng nhưng vì bị ép viết nên phải viết; sau đó, bà đã trả hết nợ, hiện không còn nợ tiền của bà C nữa. Tuy nhiên, bà C không thừa nhận việc này và bà L không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình là đúng sự thật nên không có cơ sở để chấp nhận. Anh Võ Duy Đ cũng không xác định được số tiền mình đã trực tiếp trả cho bà C và là trả tiền gốc hay trả tiền lãi. Ngày 24/6/2020, Tòa án có văn bản yêu cầu bà L có ý kiến về lãi suất và số tiền 10.000.000 đồng đã trả cho bà C là tiền lãi hay tiền gốc nhưng bà L không có ý kiến gì. Do đó, xác định số tiền 10.000.000 đồng mà anh Đ trực tiếp đưa cho bà C là trả tiền lãi của tháng 4/2017 (Âm lịch) trên số tiền 525.000.000 đồng như bà C đã trình bày.

[5] Thỏa thuận về lãi suất 500.000 đồng/10.000.000 đồng/tháng (tức 60%/năm) là cao hơn mức lãi suất được pháp luật qui định (20%/năm) nên mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực. Tuy nhiên, do không xác định được số tiền lãi mà bà C đã nhận, bà L cũng không chứng minh được số tiền đã trả nên không có cơ sở để xử lý. Đối với số tiền lãi 10.000.000 đồng mà bà C đã nhận có mức lãi suất phù hợp với qui định của pháp luật, các bên không có tranh chấp nên không xem xét.

[6] Bà C thừa nhận bà L đã trả được 9.000.000 đồng tiền gốc và chỉ yêu cầu bà L trả số tiền 516.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của bà C và không trái qui định của pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Bà L vay tiền của bà C thì phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà C. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của bà C, buộc bà L trả cho bà C số tiền 516.000.000 đồng. Bà C không yêu cầu bà L trả tiền lãi nên không xem xét giải quyết.

[8] Bà L chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nên kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn. Lãi suất trong hạn các bên đã thỏa thuận 60%/năm là không phù hợp với quy định của pháp luật nên cần điều chỉnh lại đúng với qui định và các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất nợ quá hạn nên mức lãi suất nợ quá hạn được xác định bằng 150% mức lãi suất qui định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[9] Giấy nợ ngày 22/01/2017 và ngày 08/3/2017 có tên người làm chứng là bà Nguyễn Thị H ở khu phố L1, phường H, thị xã H, tỉnh B. Tuy nhiên, bà L

đã thừa nhận việc viết và ký giấy nợ, thừa nhận việc vay tiền của bà C, bà H cũng không trực tiếp chứng kiến việc viết giấy nợ của bà L nên không cần thiết phải triệu tập bà H tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo qui định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án thì yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.000.000 đồng + (4% x 116.000.000 đồng) = 24.640.000 đồng.

[11] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định về việc chấp nhận yêu cầu của bà C, buộc bà L trả số tiền 516.000.000 đồng và bà L phải chịu án phí là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, đúng theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 228, 229, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị C. Buộc bà Trần Thị L trả cho bà Phạm Thị C số tiền 516.000.000 đồng (Năm trăm mười sáu triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 150% mức lãi suất qui định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2/ Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị L phải chịu 24.640.000 đồng (Hai mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Phạm Thị C số tiền 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) bà đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005297 ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định.

3/ Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hồng Hoàng